| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07/03/2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Bà **ÂU THỊ THẢO**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**
2. Bà **ÂU THỊ NGỌC HOA**

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông **HỨA QUỐC THÁI** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên toà.***

Ngày 07 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 721/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **NGUYỄN THỊ NHƯ TH,** sinh năm 1997

Địa chỉ: ấp Hậu Ph 2, xã Hậu Mỹ B A, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

*2. Bị đơn:* Anh **NGUYỄN HỮU Đ,** sinh năm 1998

Địa chỉ: ấp Mỹ Q, xã Hậu Mỹ Ph, huyện Cái B, tỉnh Tiền G

(Chị Th có đơn xin vắng mặt, anh Đ vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Th trình bày:* Chị và anh Nguyễn Hữu Đ chính thức xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Ph, huyện Cái B, tỉnh Tiền G. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/3/2020 hiện cháu đang sống với chị Th. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ không có văn bản ý kiến và vắng mặt không có lý do.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

***Về tố tụng:***

[1] Chị Nguyễn Thị Như Th có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Th, anh Đ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

***Về nội dung:***

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Th và anh Đ do mai mối có tìm hiểu trước tiến tới xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Ph. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th xác định vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng đã chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Xét thấy, cho chị Th được ly hôn anh Đ là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm chăm sóc con chung và chị Th khẳng định không còn tình cảm với anh Đ. Đồng thời, trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh Đ để đảm bảo quyền nêu ý kiến của anh, cũng như hoà giải để anh chị đoàn tụ nhưng anh Đ vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình và thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Th nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị được ly hôn anh Đ là phù hợp theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/03/2020 hiện đang sống với chị Th. Xét thấy, tiếp tục giao cháu B cho chị Th nuôi dưỡng là có cơ sở. Bởi lẽ, cháu đã sống ổn định với chị Th từ khi vợ chồng ly thân đến nay cũng như cháu B còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc từ người mẹ. Từ đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập của cháu nên giao cháu Nguyễn Gia B cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng như anh Đức

không có ý kiến gì liên quan đến tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[6] *Về án phí:* Chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

***Xử***:

***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Th. Cho chị Nguyễn Thị Như Th được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

***Về con chung:*** Giao 01 con chung tên Nguyễn Gia B, sinh ngày 02/03/2020 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị Như Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0014613 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

***Về quyền kháng cáo:*** Chị Th và anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Mỹ Đức Đ;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ÂU THỊ THẢO**